TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 43/2021/DS-PT
Ngày 4 – 3 – 2021
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Cẩm Đào

Các Thẩm phán: Bà Hoàng Thị Hải Hà

Ông Đặng Minh Trung

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Ngô Thúy Nguyên - là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Ngọc Dễ – Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 06/2021/TLPT-DS ngày 14 tháng 01 năm 2021 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 62/2020/DS-ST ngày 08 tháng 12 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện U Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 19/2021/QĐ-PT ngày 03 tháng 02 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Đặng Thu S, sinh năm: 1966 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp 14, xã K, huyện U, tỉnh C ..

-*Bị đơn:* Bà Võ Thị X,sinh năm: 1972 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp 14, xã K, huyện U, tỉnh C ..

- *Người kháng cáo*: Bà Võ Thị X, là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

******* *Tại đơn khởi kiện ngày 20 tháng 4 năm 2020 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Đặng Thu S trình bày:* Bà X có vay, mượn tiền của bà nhiều lần, trong đó có tiền mượn mua gạo, tiền trị bệnh cho con của bà X. Đến khoảng năm 2007, bà X viết biên nhận nợ cho bà với tổng số tiền là 53.410.000 đồng. Số tiền vay trong biên nhận là do bà X vay, mượn trong khoảng thời gian dài. Chữ trong biên nhận là do bà X viết và ký tên. Do bà X không trả tiền cho bà nên bà yêu cầu Tòa án buộc bà X trả số tiền 53.410.000 đồng.

***** *Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn bà Võ Thị X trình bày*: Bà thừa nhận có vay, mượn tiền của bà S nhiều lần nhưng không đến số tiền 53.410.000 đồng như bà S trình bày. Vào năm 2015, khi bà cố đất cho bà S, tất cả số tiền bà nợ bà S đã được cộng dồn vào số tiền bà S nhận cố đất của bà với số tiền 220.000.000 đồng. Hợp đồng cố đất giữa bà với bà S đã được Tòa án giải quyết xong nên bà không còn nợ tiền của bà S. Giấy biên nhận nợ số tiền 53.410.000 đồng bà S cung cấp cho Tòa án bà hoàn toàn không biết, chữ ký và chữ viết trong biên nhận không phải của bà. Do đó, bà không đồng ý trả số tiền 53.410.000 đồng theo yêu cầu của bà S.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số:62/2020/DS-ST ngày 08 tháng12 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện U Minh quyết định:

Chấp nhận yêu cầu của bà Đặng Thu S đối với bà Võ Thị X về việc trả tiền.

Buộc bà Võ Thị X trả cho bà Đặng Thu S số tiền 53.410.000 (Năm mươi ba triệu, bốn trăm mười ngàn) đồng.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chậm thi hành án, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 18/12/2020, bà Võ Thị X kháng cáo bản án sơ thẩm không đồng ý với kết quả giám định vì có hai kết quả khác nhau.

Phần tranh luận tại phiên toà: Bị đơn giữ nguyên kháng cáo, cho rằng chữ ký trong biên nhận nợ không phải của bà nên yêu cầu được giám định lại.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên toà phát biểu: Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Hội đồng xét xử và những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật. Về nội dung kháng cáo: Bà X thừa nhận có vay tiền của bà S nhiều lần nhưng đã đối trừ xong. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bà X không cung cấp được chứng cứ chứng minh việc đã trả xong số nợ cho bà S. Đối với chữ ký, chữ viết của bà X trong tờ biên nhận đã có kết luận giám định là chữ của bà X nên đề nghị không chấp nhận yêu cầu giám định lại. Bà X kháng cáo nhưng không có chứng cứ chứng minh nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà X, giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện U Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bà S trình bày có cho bà X vay số tiền 53.410.000 đồng, bà X có viết biên nhận nợ. Bà X cũng thừa nhận có nợ bà S nhưng không phải số tiền 53.410.000đ. Toàn bộ số tiền nợ đã được tính gộp vào số tiền cố đất là 220.000.000 đồng. Biên nhận nợ bà S cung cấp không phải là chữ ký của bà X. Từ nội dung trên án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của bà S, bà X không đồng ý với án sơ thẩm nên có đơn kháng cáo.

[2] Xét đơn kháng cáo của bà X, Hội đồng xét xử xét thấy: Bà S xác định chữ viết và chữ ký trong biên nhận nợ số tiền 53.410.000 đồng là của bà X viết nhận nợ với bà S, bà X không thừa nhận là chữ ký và chữ viết trong biên nhận là của bà X nhưng tại Kết luận giám định số:193GĐ-PC09 ngày 31/10/2020 của Phòng kỹ

thuật hình sự Công an tỉnh Cà Mau xác định chữ ký, chữ viết sau khi đối chiếu với các chữ ký, chữ viết tại các biên bản hòa giải, biên nhận giấy cố đất ngày 24/01/2016 âm lịch và các tài liệu khác do Tòa án thu thập kết luận là do cùng một người viết ra. Do đó, án sơ thẩm căn cứ vào kết quả giám định, xác định bà X có nợ bà S số tiền 53.410.000 đồng là có căn cứ.

[3] Tại phiên tòa phúc thẩm bà X yêu cầu được giám định lại chữ ký nhưng bà X không đưa ra lý do để yêu cầu giám định lại chữ ký. Xét thấy trình tự giám định đã thực hiện đúng quy định đến thời điểm xét xử phúc thẩm không ai khiếu nại gì đối với kết quả giám định chữ ký trên nên Hội đồng xét xử không chấp nhận cho bà X giám định lại. Ngoài ra, bà X cho rằng số tiền bà S yêu cầu đã được được đối trừ vào số tiền cố đất là 220.000.000 đồng, nhưng tại bản án sơ thẩm số: 07/2020/DS-ST ngày 11/3/2020 của Tòa án nhân dân huyện U Minh đã giải quyết về việc cố đất không có nội dung cộng số tiền 53.410.000 đồng và cũng không đề cặp giải quyết đối với số tiền 53.410.000 đồng bà S đang yêu cầu. Hơn nữa, bà X cho rằng số tiền cộng vào tiền cố đất là 69.000.000 đồng không phải số tiền nguyên đơn yêu cầu do đó bị đơn cho rằng đã đối trừ xong số tiền nguyên đơn yêu cầu là không có căn cứ chấp nhận. Do đó, án sơ thẩm buộc bà X thanh toán nợ cho bà S là có căn cứ.

[4] Từ những phân tích nêu trên, kháng cáo của bị đơn không có căn cứ chấp nhận nên giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm theo đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau là phù hợp.

[5] Án phí phúc thẩm: Bà X phải chịu.

[6] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị nên không đặt ra xem xét.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Toà án;

2.Không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của bà Võ Thị X.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 62/2020/DS-ST ngày 08 tháng 12 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện U Minh.

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu của bà Đặng Thu S đối với bà Võ Thị X về việc trả tiền.

Buộc bà Võ Thị X trả cho bà Đặng Thu S số tiền 53.410.000 (Năm mươi ba triệu, bốn trăm mười ngàn) đồng.

-Chi phí giám định: Bà Võ Thị X phải chịu. Bà S đã nộp 4.880.000 đồng chi phí giám định nên bà X phải hoàn trả cho bà S 4.880.000 đồng (Bốn triệu tám trăm tám mươi ngàn đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm thi hành khoản tiền nêu trên thì người phải thi hành án còn phải chịu lãi suất theo quy định tại khoản 2Điều 357Bộ luật dân sự.

-Án phí sơ thẩm: Bà Võ Thị X phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch 2.670.500 đồng. Bà Đặng Thu S không phải chịu án phí. Bà S đã nộp tạm ứng số tiền 1.335.000 (Một triệu ba trăm, ba mươi lăm ngàn) đồng theo biên lai thu số 0004912 vào ngày 20 tháng 4 năm 2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện U Minh, tỉnh Cà Mau được nhận lại.

-Án phí phúc thẩm: Bà X phải chịu 300.000 đồng. Ngày18/12/2020, bà X đã nộp tạm ứng số tiền 300.000 đồng (lai thu số 0006106) được chuyển thu Ngân sách Nhà nước.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

***Nơi nhận*:**
- *Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;*
- *Tòa án nhân dân huyện Trần văn Thời;*
- *Chi cục THADS huyện Trần văn Thời;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ;*
- *Lưu án văn;*
- *Lưu VT(TM:TANDTCM).*

Đinh Cẩm Đào